

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ – ST

Ngày 27/03/2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi
con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Quang Hoà.
2. Ông Nguyễn Quốc Tú.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa:*
Ông Vũ Đức Tính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 12/2026/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1992 (có mặt).

Trú tại: **Khối D, phường T, tỉnh Nghệ An.**

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1982 (có mặt).

Trú tại: **Khối D, phường T, tỉnh Nghệ An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 05/12/2025, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh **Trần Văn T** trình bày:*

+ Về hôn nhân: **Anh T1** và chị **Nguyễn Thị H** có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2018 tại **UBND phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An)**, trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, áp lực về

kinh tế. Anh T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Anh T1 và chị H có 02 con chung là Trần Đăng K, sinh ngày 23/12/2018 và Trần Gia H1, sinh ngày 16/12/2019. Anh T1 và chị H thoả thuận anh T1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị H và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2018 tại UBND phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An), trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó năm 2023 anh T đi xuất khẩu lao động đến 2025 thì về nước và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên muốn ly hôn với chị. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh T yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý.

+ Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Đăng K, sinh ngày 23/12/2018 và Trần Gia H1, sinh ngày 16/12/2019. Chị H và anh T thoả thuận anh T sẽ trực tiếp nuôi hai con chung và anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay chị H thay đổi và chị muốn nuôi hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con cho chị.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị H và anh T thoả thuận với nhau về nuôi con chung như sau: Giao hai con chung là Trần Đăng K, sinh ngày 23/12/2018 và Trần Gia H1, sinh ngày 16/12/2019 cho chị Nguyễn Thị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 thoả thuận cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị H mỗi tháng 5.000.000 đồng (trong đó mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng/cháu), thi hành từ tháng 4 năm 2026 trở đi cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh **Trần Văn T** là được ly hôn với chị **Nguyễn Thị H**. Về con cái: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của đương sự tại phiên toà giữa anh **T** và chị **H** là giao hai con chung cho chị **Nguyễn Thị H** được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. **Anh T1** thoả thuận cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị **H** mỗi tháng 5.000.000 đồng (trong đó mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng/cháu), thi hành từ tháng 4 năm 2025 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của anh **Trần Văn T**.

2. Về thủ tục tố tụng: **Anh T1** và chị **H** đều có mặt tại phiên toà nên căn cứ vào điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét tiến hành xử vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh **Trần Văn T** và chị **Nguyễn Thị H** có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng năm sáu năm, sau đó xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân do anh **T** không còn tình cảm với chị **H** nữa nên đã bỏ nhà đi làm ăn và sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay. Chị **H** thì không muốn ly hôn vì muốn cho các con có mẹ và có bố nên mong muốn anh **T** quay lại sống đoàn tụ với nhau nhưng anh **T** không đồng ý quay về sống đoàn tụ với chị **H**. Tuy nhiên, trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau thì hai bên cũng không quan tâm liên lạc gì đến nhau và không có giải pháp để hàn gắn, khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh **T** và chị **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh **Trần Văn T** và cho anh **T** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị H**.

4. Về nuôi con chung: **Anh T1** và chị **H** có hai con chung, hai bên thoả thuận là giao cho chị **H** được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con

chung là **Trần Đăng K**, sinh ngày 23/12/2018 và **Trần Gia H1**, sinh ngày 16/12/2019; Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh **T1** thoả thuận cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị **H** mỗi tháng 5.000.000 đồng (trong đó mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng/cháu), thi hành từ tháng 4 năm 2025 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do vậy, việc thoả thuận của các đương sự tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần phải ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật và cần phải được chấp nhận.

5. Về quan hệ tài sản: **Anh T1** và chị **H** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: **Anh T1** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, Điều 147, Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của anh **Trần Văn T** là được ly hôn với chị **Nguyễn Thị H**.

2. *Về nuôi con chung:* Ghi nhận sự thoả thuận giữa anh **Trần Văn T** và chị **Nguyễn Thị H**: Giao cho chị **Nguyễn Thị H** được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là **Trần Đăng K**, sinh ngày 23/12/2018 và **Trần Gia H1**, sinh ngày 16/12/2019; Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh **T** thoả thuận cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị **H** mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) (trong đó mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng/cháu), thi hành từ tháng 4 năm 2025 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc có lý do chính đáng, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản chung:* **Anh T1** và chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí: Anh **Trần Văn T** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. **Anh T1** đã nộp đủ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0000161 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV8 – Nghệ An;
- CQ THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Tây Hiếu (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tú

Võ Quang Hoà

Lương Anh Xuân